

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 01- 12 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Việt Hòa.

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Phan Thị Thu M, sinh năm: 1987. Có mặt.

ĐKKHKT: 6B/59 NB, phường TQK, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: 36/13 Đường XL, phường XL, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Trần Quang Hợp, sinh năm: 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2020, bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị Thu M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quang H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định ngày 13/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm, đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh H nóng tính, hay đập phá đồ đạc trong nhà, làm con sợ

hãi. Anh H còn đe dọa tới tính mạng của 02 mẹ con, làm chị bất an khi chung sống. Năm 2018, công việc của anh H không ổn định, không đảm bảo sinh hoạt cho gia đình. Sau khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng, gia đình bên ngoại đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã thôi quan hệ sinh lý từ đầu năm 2020. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Hiện tại chị không có thai nghén gì. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn gì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh H. Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2020, anh H xin đoàn tụ, Tòa án đã cho hai bên thêm thời gian để anh H có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau phiên hòa giải ngày 27/10/2020, anh H có nhắn tin cho chị vài lần, nhưng không trực tiếp gặp gỡ chị để nói chuyện. Anh H có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng chị thấy anh H chưa có thành ý, chưa chân thành, hôm hẹn gặp chị thì anh H không đến, hôm anh H đến thì chị không có nhà. Bố mẹ anh H cũng không nói chuyện với chị, cũng như gia đình chị để khuyên giải cho vợ chồng đoàn tụ. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể quay lại chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang Nh, sinh ngày 23/9/2017. Cháu khỏe mạnh bình thường. Hiện tại, cháu đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Hiện tại chị có công việc ổn định. Chị đang làm Phó Trưởng phòng kỹ thuật - KCS cho Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, thuộc Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. Chị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty từ năm 2013 đến nay. Thu nhập hàng tháng của chị dao động từ 10.000.000đ - 15.000.000đ. Với thu nhập này, chị đủ điều kiện để thuê nhà và nuôi con. Chị đã thuê nhà gần trường học của con. Hằng ngày, chị vẫn có đủ điều kiện về thời gian để đưa đón con đi học và chăm sóc con. Hiện tại, cuộc sống của mẹ con chị ổn định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án ngày 26/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020 và quá trình hòa giải, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Quang H trình bày:*

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn, anh H công nhận ý kiến trình bày của chị M là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Chị M chê anh ít nói, ngoại giao kém, trong khi chị M là người năng động, hoạt bát. Sau khi kết hôn một thời gian, có thời gian công việc của anh

không ổn định, nên chị M không hài lòng, không chia sẻ khó khăn với anh. Chị M luôn sòng phẳng về tài chính, không cảm thông, chia sẻ với chồng. Chị M luôn tự quyết định mọi việc, không trao đổi với anh như: Tự ý đi phá thai bé thứ hai, tự ý mua bảo hiểm nhân thọ, tự ý dọn đồ bỏ đi. Mẹ đẻ chị M cũng không hài lòng về tính cách của anh, nên cũng xúi con gái bỏ anh. Anh đã nhiều lần nói chuyện, nhưng chị M vẫn không chịu chia sẻ, cảm thông, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình bên nội đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tháng 02/2019, chị M ngỏ ý muốn ly hôn, nhưng anh thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Hai bên gia đình tác động, nên chị M từ bỏ ý định ly hôn. Đến tháng 8/2020, chị M tự ý dọn đồ bỏ đi chỗ khác thuê trọ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Vợ chồng đã thôi quan hệ sinh lý từ tháng 5/2020. Từ khi ly thân anh có quan tâm đến vợ con, nhưng ngược lại chị M không quan tâm gì đến anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020, anh H trình bày anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể quay lại chung sống với nhau được nữa, nên anh đồng ý ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2020, anh H thay đổi quan điểm. Anh H nhận thấy mặc dù tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị M, vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tòa án đã cho anh H thêm thời gian và đưa ra các giải pháp để anh H níu kéo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên không có kết quả, anh không thể giải quyết được mâu thuẫn. Từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức này, anh không níu kéo chị M nữa, anh không xin đoàn tụ nữa. Nhưng anh không đồng ý ly hôn vì chị M đơn phương ly hôn, không hỏi ý kiến anh trước khi làm đơn là không tôn trọng anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thống nhất với chị M về việc vợ chồng có con Trần Quang Nh, sinh ngày 23/9/2017. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường. Sau khi ly thân, anh đón con về nuôi được hơn 02 tháng. Từ ngày 18/10/2020 đến nay, anh tạm thời để con cho chị M chăm sóc. Nay vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con. Anh thấy mình có đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại, anh đang tạm thời làm kinh doanh online, có thu nhập. Anh không đồng ý cho chị M nuôi con vì lý do: Chị M nuôi con không tốt, chỉ tập trung cho công việc, rất hay đi công tác, ít có thời gian dành cho con. Hiện tại, công việc của chị M không ổn định, lại rất hay đi không tác, nên không thể chăm sóc con tốt bằng anh được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa:*

Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H xác định không níu kéo chị M nữa, không xin đoàn tụ, nhưng không đồng ý ly hôn. Anh H xin nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 277; Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015. Đề nghị Tòa án xử cho chị Phan Thị Thu M được ly hôn anh Trần Quang H. Về con chung: Giao cháu Trần Quang Nh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng (nếu có) theo quy định. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị M và anh H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M yêu cầu xin được ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn. Đánh giá mâu thuẫn vợ chồng đã lâu và trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ, Tòa án đã đưa ra biện pháp, cách thức và cho anh H thời gian để níu kéo hạnh phúc. Tuy nhiên, anh H chưa có thiện chí níu kéo hạnh phúc. Anh H thừa nhận tình cảm anh dành cho chị M đã bị sút mẻ nhiều, chị M cương quyết ly hôn, anh không níu kéo nữa. Hiện tại, chị M và anh H không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Tình cảm vợ chồng không còn. Chị M xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

2.2. *Về con chung*: Chị M và anh H có 01 con chung là Trần Quang Nh, sinh ngày 23/9/2017. Chị M và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con.

HĐXX xét thấy: Là bố là mẹ ai cũng có quyền được nuôi con, đó là yêu cầu chính đáng được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Chị M có công việc ổn định, hiện làm Phó Trưởng phòng kỹ thuật - KCS cho Nhà máy bia Hà Nội – Mê Linh, có thu nhập ổn định. Có nơi ở gần trường học của bé. Công việc hiện tại của anh H kinh doanh online, thu nhập không ổn định. Như vậy, xét về tổng thể chị M có điều kiện nuôi con tốt hơn anh H. Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn và quyền lợi của con trẻ (cháu mới hơn 03 tuổi) đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu Nh nên giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quang Nh là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị M và anh H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị M khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu M.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Phan Thị Thu M được ly hôn anh Trần Quang H.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Quang Nh, sinh ngày 23/9/2017. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Thu M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003742 ngày 13/8/2020. Chấp nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn, bị đơn trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND phường TQK;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng